

Bản án số: 105/2024/HS-ST

Ngày: 20-11-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hòa;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Hữu H, sinh năm 1987 tại Nghệ An; nơi thường trú: Thôn D, xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H1; tiền án: tại bản án số 59/2018/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/11/2018) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, ngày 27 tháng 12 năm 2018, bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm; tại bản án số 61/2020/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù tại bản án số 59/2018 ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo chấp hành chung cả 02 bản án là 21 tháng tù; về phần dân sự buộc bị cáo Trần Hữu H bồi thường cho bị hại số tiền 3.000.000 đồng; ngày 16 tháng 9 năm 2021: bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; ngày 04 tháng 8 năm 2020, bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo chưa chấp hành bồi thường

thiệt hại cho bị hại; tiền sự: không; ngày bị tạm giữ 26 tháng 01 năm 2024, sau tạm giam cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trần Vũ L, sinh năm 1992; nơi thường trú: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi tạm trú: đường số E, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Phạm Quang H2, sinh năm 1955 nơi thường trú: Tổ A, Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu H là đối tượng có tiền án. Sau khi chấp hành án, H không có công việc ổn định, do thiếu tiền tiêu xài nên H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2024, H thuê xe ôm công nghệ do ông Trần Vũ L điều khiển đi từ phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương đến thị xã C, tỉnh Bình Phước để thăm bạn. Khi đến thị xã C, tỉnh Bình Phước, do không có điện thoại liên hệ với bạn nên H nói với ông L là cả hai vào quán C thuộc phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước để uống nước. Tại quán, H mượn điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của ông L để gọi điện cho bạn. Sau khi liên hệ với bạn không được, do không có tiền để thanh toán tiền xe cho ông L nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại di động của ông L. H nói với ông L là ra ngoài liên hệ với bạn rồi lợi dụng lúc ông L đang uống cà phê H cầm điện thoại di động của ông L, lén ra phía sau của quán, đi bộ về hướng huyện B, tỉnh Bình Dương rồi bỏ trốn. Sau đó, ông L do không tìm được H nên đã trở về thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút, cùng ngày H đi bộ đến nhà nghỉ “Hòa” tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương do ông Phạm Văn H3 làm chủ. Tại đây, H nói với ông H3 sẽ thuê phòng nghỉ trọ, ông Hòa đồng ý. Ông H3 giao cho H chìa khóa phòng số 05 của nhà nghỉ. Nhận chìa khóa, H không vào phòng mà ngồi nói chuyện với ông H3 tại phòng khách và nhờ ông H3 cho mượn sạc điện thoại vì điện thoại hết pin, ông Hòa đồng ý. Đến giờ ăn cơm, ông H3 rủ H ở lại ăn cơm, H đồng ý. Sau khi ăn cơm, H nói với ông H3 cho H mượn số tiền 2.300.000 đồng để H trả tiền vận chuyển hàng. H nói với ông H3 là H đặt mua đồ trên mạng giá trị hàng hóa là khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Ông H3 tin tưởng nên cho H mượn số tiền trên. Sau khi nhận tiền, H đi bộ ra hướng Quốc lộ A với ý định bỏ trốn thì thấy ông H3 đi theo, H lo sợ ông H3

phát hiện, H nói với ông H3 giá cước vận chuyển tăng nên mượn thêm ông H3 số tiền 250.000 đồng và nói thêm là “điện thoại con còn sạc pin đây mà điện thoại có giá cả chục triệu” để gia tăng sự tin tưởng của ông H3. Sau đó, H đi bộ ra đường Quốc lộ 13 rồi đón xe ôm bỏ trốn. Đến ngày 25 tháng 01 năm 2024, ông L tình cờ gặp lại H tại phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đã trình báo Cơ quan Công an. Quá trình làm việc, H khai nhận không đặt đơn hàng nào có giá trị từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng H đưa ra thông tin gian dối để ông H3 tin tưởng và cho H mượn số tiền 2.550.000 đồng, sau đó H chiếm đoạt số tiền của ông H3.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh số seri R58J70597TZ.

Hành vi Trần Hữu H chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 của ông Trần Vũ L tại thị xã C, tỉnh Bình Phước, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương đã có văn bản phối hợp với Công an thị xã C, tỉnh Bình Phước để điều tra làm rõ.

Tại kết luận định giá số 42/KLĐG – TSTTHS, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã C kết luận: một điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh số seri R58J70597TZ đã qua sử dụng có giá trị là 500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã C, tỉnh Bình Phước đã khởi tố Trần Hữu H về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 21 tháng 7 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã C, tỉnh Bình Phước gửi công văn số 619/CSĐT đề nghị chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự do Trần Hữu H thực hiện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương để nhập vụ án và giải quyết theo thẩm quyền.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh (đã qua sử dụng) là tài sản của bị hại ông Trần Vũ L. Ngày 22 tháng 4 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại điện thoại trên cho ông L. Ông L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với Kết luận định giá tài sản, xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Quang H2 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 2.550.000 đồng, H đồng ý tuy nhiên chưa có tiền bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Trần Hữu H đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bản Cáo trạng số 111/CT-VKSBB ngày 28 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Hữu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và điểm e khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hữu H mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hữu H mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 03 năm tù đến 03 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị: buộc bị cáo Trần Hữu H bồi thường cho bị hại ông Phạm Quang H2 số tiền 2.550.000 đồng.

Bị cáo Trần Hữu H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Bị hại ông Trần Vũ L vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra, truy tố đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Bị hại ông Phạm Quang H2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.550.000 đồng. Về hình phạt: đề nghị xử lý nghiêm đối với bị cáo, không yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Hữu H nói lời sau cùng: bị cáo xin lỗi bị hại, hành vi của bị cáo là sai trái, gây tổn thất về tài sản và tinh thần của bị hại. Bị cáo xin hứa khi đi chấp hành án sẽ bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị cáo đã nhận thức được

hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn và hối hận. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Có căn cứ xác định:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại phường T, thị xã C tỉnh Bình Phước, Trần Hữu H có hành vi mượn điện thoại di động hiệu Samsung J7 của ông Trần Vũ L rồi giả vờ liên hệ với bạn, sau đó chiếm đoạt điện thoại của ông L rồi bỏ trốn. Giá trị tài sản mà bị cáo H chiếm đoạt của bị hại L là 500.000 đồng. Bị cáo H chiếm đoạt tài sản của ông L trị giá dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cùng ngày, tại nhà trọ “Hòa” thuộc ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương do ông Phạm Quang H2 làm chủ, Trần Hữu H đã lợi dụng việc sạc điện thoại hiệu Samsung J7 và nói dối với ông H2 “điện thoại có giá trị khoảng chục triệu” để tạo lòng tin, H mượn ông H2 số tiền 2.550.000 đồng và nói đi lấy hàng đặt qua mạng sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền của ông H2. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông Trần Vũ L và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Quang H2.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung của toàn xã hội.

[5.2] Về nhân thân: bị cáo từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, sau khi chấp hành án, bị cáo không ăn năn, hối cải nay lại tiếp tục thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xét về nhân thân của bị cáo là xấu.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Bị cáo vừa có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vừa có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét, tình hình xâm phạm sở hữu ngày càng diễn biến phức tạp, hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản và sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản liên tục xảy ra trên địa bàn huyện B và các địa bàn lân cận ngày càng diễn biến phức tạp. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Quang H2 yêu cầu bị cáo Trần Hữu H bồi thường số tiền 2.550.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét, thỏa thuận về việc bồi thường của bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 175; điểm e khoản 2 Điều 174, Điều 38, Điều 55, Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23, 26 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 09 (chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành cho cả 02 tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 01 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Hữu H phải bồi thường cho ông Phạm Quang H2 số tiền 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Hữu H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết